Phụ lục I

MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU DỰ KIẾN GIAI ĐOẠN 2026-2030 HOẶC ĐẾN NĂM 2030 TỈNH HƯNG YÊN

(Kèm theo Kế hoạch hành động số 871/KH-UBND ngày 25/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Dự kiến giai đoạn 2026-2030 hoặc đến năm 2030		Đơn vị theo dõi tổng hợp báo cáo	Đơn vị chủ trì thực hiện	Ghi chú
			Giai đoạn 2026-2030	Năm 2030			
I	**VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ**						
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP, theo giá so sánh)	%/năm	10-11, phấn đấu từ 11 trở lên	-	Sở Tài chính; Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành, xã, phường	
2	Quy mô GRDP (theo giá hiện hành)	Tỷ đồng	-	Trên 600.000	Sở Tài chính; Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành, xã, phường	
3	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	-	Trên 180 (tương đương khoảng 7.350 USD) và phấn đấu tiệm cận mức GDP bình quân đầu người cả nước	Sở Tài chính; Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành, xã, phường	
4	Cơ cấu kinh tế trong GRDP (theo giá hiện hành)						
-	Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	-	8,0	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thống kê	Các sở, ban, ngành, xã, phường	
-	Khu vực công nghiệp và xây dựng	%	-	60,0	Sở Công Thương; Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành, xã, phường	
-	Khu vực dịch vụ	%	-	27,5	Sở Công Thương; Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành, xã, phường	
-	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	-	4,5			
5	Giá trị tăng thêm của ngành chế biến, chế tạo bình quân đầu người	Triệu đồng	-	75 triệu đồng (tương đương khoảng 3.000	Sở Công Thương; Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành, xã, phường	
6	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP	%	-	40-42	Sở Công Thương; Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành, xã, phường	
7	Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất	%/năm	11,5-12	-	Sở Tài chính; Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành, xã, phường	
	Trong đó:						
-	*Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản*	*%/năm*	*2,3-2,5*	-	*Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thống kê tỉnh*	*Sở Nông nghiệp và Môi trường; các xã, phường*	
-	*Khu vực công nghiệp và xây dựng*	*%/năm*	*13-13,5*	-	*Sở Công Thương; Thống kê tỉnh*		
+	*Khu vực công nghiệp*	*%/năm*	*12,5-13*	-	*Sở Công Thương; Thống kê tỉnh*	*Sở Công thương; Ban Quản lý KKT, các KCN; các xã, phường*	
+	*Khu vực xây dựng*	*%/năm*	*15,5-16*	-	*Sở Xây dựng; Thống kê tỉnh*	*Sở Xây dựng; các BQLDA của tỉnh; các xã, phường*	
-	*Khu vực dịch vụ*	*%/năm*	*8,5-9*	-	*Sở Công Thương; Thống kê tỉnh*	*Các sở: Công thương, Khoa học và Công nghệ, Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Văn hóa Thể thao và Du lịch; Ngân hàn nhà nước chi nhánh tỉnh; Công ty xổ số kiến thiết; các xã, phường*	
8	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%/năm	13-14	-	Sở Công Thương; Thống kê tỉnh	Sở Công thương; Ban Quản lý KKT, các KCN; các xã, phường	
9	Tổng vốn đầu tư xã hội trên địa bàn	Tỷ đồng	Trên 1.100.000	-	Sở Tài chính; Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành, xã, phường	
-	*Tỷ lệ tổng vốn đầu tư toàn xã hội so với GRDP*	%	*47-48*	-			
+	*Trong đó vốn đầu tư công so với GRDP*	%	*Khoảng 22*	-			
10	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	Phấn đấu cuối nhiệm kỳ, tỉnh Hưng Yên đạt mục tiêu tự cân đối và có điều tiết một phần về ngân sách trung ương	Khoảng 65.000	Sở Tài chính	Sở Tài chính; Thuế tỉnh; Chi cục Hải quan khu vực IV	
	Trong đó:						
-	*Thu nội địa*	*Tỷ đồng*		*Khoảng 57.000*		*Sở Tài chính; Thuế tỉnh*	
+	*Trong đó: Thu nội địa không bao gồm tiền sử dụng đất*	*Tỷ đồng*		*Khoảng 36.000*		*Sở Tài chính; Thuế tỉnh*	
-	*Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu*	*Tỷ đồng*		*Khoảng 8.000*		*Sở Tài chính; Chi cục Hải quan khu vực IV*	
11	Tỷ lệ huy động nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn so với GRDP	%	18-20	-		Sở Tài chính; Thống kê tỉnh	
12	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	%	-	30	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, xã, phường	
13	Đóng góp bình quân của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế	%	-	50	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, xã, phường	
14	Hệ số ICOR	Hệ số	7,0	-	Sở Tài chính; Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành, xã, phường	
15	Tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%/năm	13,5-14		Sở Công Thương; Thống kê tỉnh	Sở Công thương; các xã, phường	
16	Số lượt khách đến tỉnh Hưng Yên	Triệu lượt	-	10,5	Sở Văn hóa ,Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các xã, phường	
	Trong đó, lượt khách quốc tế	*Nghìn lượt*	-	*250*			
17	Tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa	%/năm	Trên 11	-	Sở Công Thương	Sở Công Thương; Chi cục Hải quan khu vực IV	
18	Tốc độ tăng năng suất lao động (theo giá so sánh)	%/năm	Trên 10	-	Sở Tài chính; Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành, xã, phường	
19	Tỷ lệ đô thị hóa	%	-	Trên 55	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành, xã, phường	
20	Xếp hạng các chỉ số						
-	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)	Thứ hạng	-	Nhóm 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, xã, phường	
-	Chỉ số chuyển đổi số (DTI)	Thứ hạng			Sở Khoa học và Công nghệ		
-	Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII)	Thứ hạng			Sở Khoa học và Công nghệ		
-	Chỉ số cải cách hành chính (Par Index)	Thứ hạng			Sở Nội vụ		
-	Chỉ số hài lòng của người dân (SIPAS)	Thứ hạng			Sở Nội vụ		
-	Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI)	Thứ hạng			Sở Nội vụ		
21	Số doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế	Doanh nghiệp	-	Từ 37.458	Sở Tài chính	Sở Tài chính; Thuế tỉnh; Thống kê tỉnh; các xã, phường	
II	**VỀ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI**						
22	Chỉ số phát triển con người HDI	Chỉ số	-	0,79 và phấn đấu đạt 0,8	Sở Y tế	Sở Y tế; các xã, phường	
23	Tuổi thọ trung bình	Năm	-	76,8	Sở Y tế	Sở Y tế; các xã, phường	
-	*Trong đó: Thời gian sống khỏe mạnh tối thiểu*	*Năm*	-	*70*			
24	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%/năm	Dưới 1	-	Sở Y tế	Sở Y tế; các xã, phường	
25	Số bác sỹ trên 1 vạn dân	Bác sỹ	-	Trên 15	Sở Y tế	Sở Y tế; các xã, phường	
26	Số giường bệnh trên 1 vạn dân	Giường	-	Trên 43	Sở Y tế	Sở Y tế; các xã, phường	
27	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	-	100	Sở Y tế	Sở Y tế; Bảo hiểm xã hội tỉnh; các xã, phường	
28	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội	%	-	60	Bảo hiểm xã hội	Bảo hiểm xã hội tỉnh; các xã, phường	
29	Tỷ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe hàng năm	%/năm	100	-	Sở Y tế	Sở Y tế; các xã, phường	
30	Tỷ lệ thất nghiệp chung	%	-	Dưới 1,5	Sở Nội vụ; Thống kê tỉnh	Sở Nội vụ; các xã, phường	
	Trong đó:						
-	*Thành thị*	%	-	*Dưới 1,7*			
-	*Nông thôn*	%	-	*Dưới 1,35*			
31	Phát triển nhà ở xã hội	Căn hộ	-	47.000	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng; các xã, phường	
32	Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng số lao động giảm còn	%	-	15,0	Sở Nội vụ; Thống kê tỉnh	Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và Môi trường; các xã,	
33	Hằng năm, đào tạo mới, đào tạo lại lao động	Lao động/năm	55.000 - 60.000	-	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo; các xã, phường	
34	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	-	Trên 40,5	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo; các xã, phường	
35	Tỉ lệ lao động có kỹ năng số cơ bản	%	-	100	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ; các xã, phường	
-	*Trong đó, tỷ lệ lao động có kỹ năng số nâng cao*	%	-	*20*			
36	Tỷ lệ trường mầm non, trường tiểu học, trường phổ thông thuộc cả khối công lập và khối ngoài công lập đạt chuẩn quốc gia	%	-	95	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo; các xã, phường	
-	*Trong đó: Tỷ lệ trường mầm non, trường tiểu học và trường phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia*	%	-	*100*			
37	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026-2030)	%	-	Dưới 0,5 và phấn đấu không còn hộ nghèo	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các xã, phường	
38	Giảm tỉ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	%/năm	0.3-0,5	-	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các xã, phường	
39	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới (theo chuẩn của giai đoạn 2026-2030)	%	-	Trên 70	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các xã, phường	
-	*Trong đó: Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại (theo chuẩn của giai đoạn 2026-2030)*	%	-	*Trên 15*	*Sở Nông nghiệp và Môi trường*	*Sở Nông nghiệp và Môi trường; các xã, phường*	
40	Tỷ lệ gia đình đạt danh hiệu "Gia đình văn hóa" hằng năm	%/năm	Trên 90	-	Sở Văn hóa ,Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các xã, phường	
III	**VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**						
41	Tỷ lệ che phủ rừng	%	-	1,56	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các xã, phường	
42	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh	%	-	100	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các xã, phường	
43	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở khu vực đô thị và nông thôn được thu gom, xử lý bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn				Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các xã, phường	
-	Ở khu vực đô thị	%	-	100			
-	Ở khu vực nông thôn	%	-	100			
44	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý an toàn theo quy định	%	-	100	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các xã, phường	
45	Tỷ lệ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường				Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công thương; Ban Quản lý Khu kinh tế và các KCN tỉnh; BQL các Khu công nghiệp tỉnh; các xã, phường	
-	*Trong Khu công nghiệp*	%	-	*100*			
-	*Trong cụm công nghiệp*	%	-	*100*			
46	Lượng phát thải khí nhà kính	%	-	15-35	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các xã, phường	
47	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%	-	100	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các xã, phường	
48	Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường	%	-	100	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các xã, phường	
49	Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông	%	-	Trên 70	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các xã, phường	
IV	**VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH**						
50	Tỷ lệ số xã, phường đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự	%	-	100	Công an tỉnh	Công an tỉnh; Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh; các sở, ban, ngành; các xã, phường	
51	Kiềm chế, kéo giảm số vụ phạm tội về trật tự xã hội hằng năm	%/năm	ít nhất 10	-	Công an tỉnh	Công an tỉnh; Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh; các sở, ban, ngành; các xã, phường	
52	Hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân hàng năm	%/năm	100	-	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh; công an tỉnh; các sở, ban, ngành; các xã, phường	

Phụ lục II

CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ LIÊN QUAN GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Kế hoạch hành động số /KH-UBND ngày /5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm	Ghi chú
1	**Sở Công Thương**				
1.1	Đề án xây dựng tỉnh Hưng Yên trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại, thuộc nhóm dẫn đầu cả nước giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Quý II/2026	Nghị quyết Tỉnh ủy	
1.2	Đề án cơ cấu lại, phát triển và nâng cao hiệu quả lĩnh vực thương mại, dịch vụ tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Quý II/2026	Nghị quyết Tỉnh ủy	
1.3	Kế hoạch xây dựng, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 5/2026	Kế hoạch UBND tỉnh	
1.4	Đề án xây dựng và phát triển thương hiệu các sản phẩm chủ lực của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045	Các sở: Tài chính, KH&CN, NN&MT, VHTT&DL; UBND các xã, phường; các tổ chức, đơn vị có liên quan	Tháng 4/2026	Quyết định UBND tỉnh	Đã hoàn thành
1.5	Quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Quý III/2026	Nghị quyết HĐND tỉnh	
1.6	Quy định xây dựng, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 3/2026	Quyết định UBND tỉnh	
1.7	Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 5/2026	Quyết định UBND tỉnh	
1.8	Quy định một số nội dung về phát triển và quản lý chợ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 01/2026	Quyết định UBND tỉnh	Đã hoàn thành
1.9	Kế hoạch thực hiện chiến lược "Phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045" trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 02/2026	Kế hoạch UBND tỉnh	Đã hoàn thành
1.10	Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 13-KH/TU ngày 06/11/2025 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Quý I/2026	Kế hoạch UBND tỉnh	Đã hoàn thành
1.11	Kế hoạch tổ chức hoạt động hưởng ứng Ngày quyền người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh năm 2026	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Quý I/2026	Kế hoạch UBND tỉnh	Đã hoàn thành
1.12	Quy định mức chi thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại tỉnh Hưng Yên	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 4/2026	Nghị quyết HĐND tỉnh	Tờ trình 1702/TTr-SCT ngày 29/4/2026
1.13	Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí xúc tiến thương mại tỉnh Hưng Yên	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 4/2026	Quyết định UBND tỉnh	Tờ trình 1703/TTr-SCT ngày 29/4/2026
1.14	Đề án xây dựng Hưng Yên trở thành trung tâm năng lượng vùng đồng bằng sông Hồng	Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 5/2026	Nghị quyết Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
1,15	Kế hoạch phát triển chợ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Quý II/2026	Kế hoạch UBND tỉnh	
1.16	Quy định đặc điểm kinh tế kỹ thuật của dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Quý II/2026	Quyết định UBND tỉnh	
2	**Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp**				
2.1	Đề án thành lập Khu kinh tế tự do Hưng Yên	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Quý II/2026	Nghị quyết của Bộ Chính trị/Quốc hội	
2.2	Xây dựng Kế hoạch phát triển Khu kinh tế 5 năm (2026-2030)	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 5/2026	Quyết định UBND tỉnh	
2.3	Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trong Khu kinh tế giai đoạn 2026-2030	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Quý IV/2026	Quyết định UBND tỉnh	
3	**Ban Quản lý các khu công nghiệp**				
3.1	Kế hoạch phát triển các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Quý II/2026	Kế hoạch UBND tỉnh	
3.2	Tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng các KCN. Phấn đấu có 06 KCN (KCN số 04, KCN số 07, KCN Kim Động - Ân Thi, KCN Tân Phúc - Quang Vinh - Hoàng Hoa Thám, KCN Phù Cừ, KCN Bãi Sậy) được phê duyệt duyệt quy hoạch phân khu xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Quý IV/2026	Quyết định Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	
3.3	Tổ chức vận động kêu gọi các nhà đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng KCN, tổ chức thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt. Phấn đấu thành lập mới thêm 03 KCN (KCN Tân Dân, KCN Tiên Lữ -Kim Động - Ân Thi, KCN Tân Phúc - Quang Vinh -Hoàng Hoa Thám)	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Quý IV/2026	Quyết định Chủ tịch UBND tỉnh	
3.4	Đôn đốc hỗ trợ các nhà đầu tư hạ tầng KCN mới được quyết định chủ trương đầu tư (KCN số 01, KCN số 06, KCN Lý Thường Kiệt, KCN Thổ Hoàng, KCN Văn Nhuệ Hoàng Hoa Thám, KCN Văn Giang) hoàn thiện các thủ tục pháp lý, đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng hạ tầng các KCN. Phấn đấu có thêm 500 ha đất được đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật KCN.	Các sở, ban, ngành, UBND các xã và các chủ đầu hạ tầng KCN	Quý IV/2026	Diện tích đất được đầu tư xây dựng hạ tầng KCN	
3.5	Tổ chức vận động xúc tiến đầu tư vào trong các KCN trên địa bàn tỉnh, chú trọng thu hút các dự án có vốn đầu tư lớn, công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, các dự án đầu tư vào lĩnh vực đóng góp tích cực cho tăng trưởng và tạo nguồn thu ngân sách Nhà nước. Phấn đấu thu hút thêm khoảng 1,5 tỷ USD cấp mới và điều chỉnh tăng	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, các chủ đầu hạ tầng KCN	Quý IV/2026	Vốn đầu tư đăng ký được chứng nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
3.6	Tổ chức làm việc với các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp có quy mô lớn, để kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc của các doanh nghiệp, sớm hoàn thiện các thủ tục pháp lý, đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện dự án, giải ngân vốn đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Phấn đấu có thêm ít nhất 100 dự án đưa vào hoạt động (tăng 47% so với 2025), tổng vốn đầu tư giải ngân tại các KCN đạt khoảng 30.000 tỷ đồng (tăng 25% so với năm 2025). Trong đó: - Vốn giải ngân của các dự án hạ tầng KCN: Đạt 5.000 tỷ đồng; - Vốn đầu tư giải ngân của các dự án đầu tư trong KCN: Đạt 25.000 tỷ đồng.	Các chủ đầu hạ tầng KCN, các doanh nghiệp trong KCN và các Sở ngành địa phương liên quan.	Quý IV/2026	Số dự án đưa vào hoạt động/vốn đầu tư giải ngân của các doanh nghiệp tại KCN.	
3.7	Chủ động tạo môi trường thuận lợi, hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường, thúc đẩy mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Phấn đấu doanh thu của các dự án trong KCN năm 2026 đạt 159.161 tỷ đồng, tăng 13% so với năm 2025 (140.736 tỷ đồng). Nộp ngân sách nhà nước tăng tối thiểu 15% so với năm 2025	Sở Công Thương, Thuế Hưng Yên, Chi cục Hải Quan KV IV, các chủ đầu hạ tầng KCN, các doanh nghiệp trong KCN	Quý IV/2026	Kết quả doanh thu, nộp NS của các doanh nghiệp trong KCN.	
4	**Sở Xây dựng**				
4.1	Đề án phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng giao thông tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Quý II/2026	Nghị quyết Tỉnh ủy	
4.2	Đề án xây dựng tỉnh Hưng Yên trở thành đô thị loại I đến năm 2035 và thành phố trực thuộc Trung ương, thông minh, sinh thái đến năm 2045	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 6/2026	Nghị quyết Tỉnh ủy	
4.3	Dự án đầu tư xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân KCN giai đoạn 2021 -2030", năm 2025 và các năm 2026-2030 trên địa bàn tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Quý III/2026	Nghị quyết Tỉnh ủy	
4.4	Lập Quy hoạch đô thị và nông thôn trên toàn tỉnh; điều chỉnh cục bộ quy hoạch Khu Kinh tế Hưng Yên để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban Quản lý Khu Kinh tế và các KCN; UBND các xã, phường	Năm 2026	Quyết định UBND tỉnh	
4.5	Thực hiện các chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội, phấn đấu đến năm 2030 đạt 48.500 căn; riêng trong năm 2026, mục tiêu cụ thể là xây dựng 5.900 căn nhà ở xã hội	Các Sở, Ban, ngành	Năm 2026	Kết quả thực hiện chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội	
4.6	Tham mưu quản lý nhà nước và đôn đốc tiến độ các dự án kết nối vùng như: Vành Đai 4-Vùng thủ đô, CT08, đường Tân Phúc - Võng Phan, đường kết nối di sản, đường Phố Hiến-Thái Bình, Đường sắt Lào Cai-Hà Nội-Hải Phòng, cầu Mai Động….	Các xã, phường có dự án	Năm 2026	Văn bản tham mưu	
4.7	Tham mưu các giải pháp phấn đấu đạt tỷ lệ đô thị hóa 50% vào năm 2030 (năm 2026 dự kiến đạt 37,2%)	Các Sở, Ban, ngành	Năm 2026	Văn bản tham mưu	
4.8	Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị, chủ đầu tư quyết tâm giải ngân 100% kế hoạch vốn được giao trong năm 2026.	Sở Tài chính; UBND các xã, phường	Năm 2026	Văn bản tham mưu	
5	**Sở Nông nghiệp và Môi trường**				
a)	*Lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn chung*				
5.1	Cơ cấu lại, phát triển và nâng cao hiệu quả ngành nông nghiệp, thủy sản, nông thôn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 4/2026	Nghị quyết Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	Đã hoàn thành
5.2	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy về Đề án cơ cấu lại, phát triển và nâng cao hiệu quả ngành nông nghiệp, thủy sản, nông thôn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045	Các đơn vị liên quan	Tháng 5/2026	Kế hoạch UBND tỉnh	Đã hoàn thành
5.3	Đề án sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; nông nghiệp tuần hoàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Quý III/2026	Quyết định UBND tỉnh	
5.4	Chính sách hỗ trợ thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2026-2030	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 7/2026	Nghị quyết HĐND tỉnh	
5.5	Đề án sản xuất nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 7/2026	Quyết định UBND tỉnh	
5.6	Đề án lấn biển	Ban Quản lý KKT và các KCN; các sở, ngành; các xã liên quan	Tháng 6/2026	Quyết định UBND tỉnh	
b)	*Lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật*				
5.7	Đề án phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 01/2026	Quyết định UBND tỉnh	Đã hoàn thành
5.8	Dự án cải tạo, nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm cây ăn quả đặc sản, chủ lực tỉnh Hưng Yên theo hướng bền vững phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2026-2030	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Quý II/2026	Quyết định UBND tỉnh	
5.9	Dự án tăng cường quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) trên một số cây trồng chính tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 – 2030	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Quý II/2026	Quyết định UBND tỉnh	
5.10	Dự án cải tạo, phục hồi, nâng cao chất lượng đất canh tác phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 11/2026	Quyết định UBND tỉnh	
c)	*Lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản*				
5.11	Kế hoạch phát triển chăn nuôi giai đoạn 2026-2030	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 9/2026	Kế hoạch UBND tỉnh	
5.12	Kế hoạch phòng chống dịch bệnh động vật trên cạn giai đoạn 2026-2030	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Quý III/2026	Kế hoạch UBND tỉnh	
5.13	Đề án phát triển nuôi thủy đặc sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 5/2026	Quyết định UBND tỉnh	
5.14	Dự án phát triển chăn nuôi, thủy sản theo hướng thông minh và bền vững phục vụ sản xuất trên địa bàn tỉnh và hướng tới xuất khẩu các sản phẩm thế mạnh giai đoạn 2027-2032	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 6/2026	Quyết định UBND tỉnh	
5.15	Kế hoạch phát triển thủy sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 02/2026	Kế hoạch UBND tỉnh	Tờ trình số 442/TTr-SNNMT ngày 22/5/2026
5.16	Dự án phát triển nuôi lồng bè trên sông thuộc địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2028-2030	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Năm 2028	Quyết định UBND tỉnh	
5.17	Dự án ứng dụng công nghệ cao trong nuôi trồng thuỷ sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên 2027-2030	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Năm 2027	Quyết định UBND tỉnh	
d)	*Lĩnh vực phát triển nông thôn*				
5.18	Chương trình xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững tỉnh giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Quý II/2026	Quyết định UBND tỉnh	
đ)	*Lĩnh vực quản lý chất lượng, chế biến và phát triển thị trường nông sản*				
5.19	Dự án "Hỗ trợ nâng cao khả năng nhận diện sản phẩm, kết nối kênh tiêu thụ nông sản đặc sản, chủ lực, sản phẩm OCOP, sản phẩm làng nghề tỉnh Hưng Yên với cộng đồng các nhà bán lẻ giai đoạn 2026-2030"	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 8/2026	Quyết định UBND tỉnh	
5.20	Dự án xây dựng, phát triển và mở rộng chuỗi sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối đảm bảo an toàn gắn với phát triển thị trường ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý giai đoạn 2026 - 2030, định hướng 2045	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 8/2026	Quyết định UBND tỉnh	
5.21	Kế hoạch hỗ trợ phát triển sản phẩm, xây dựng và phát triển thương hiệu lúa gạo và sản phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 8/2026	Quyết định UBND tỉnh	
5.22	Kế hoạch xây dựng, phát triển mô hình sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối: nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp kết hợp công nghiệp, nông nghiệp kết hợp dịch vụ, tăng trưởng xanh, kinh tế chia sẻ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 5/2026	Kế hoạch UBND tỉnh	
5.23	Kế hoạch triển khai công tác kiểm tra, giám sát, hậu kiểm nâng cao năng lực và trách nhiệm trong quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm theo quy định.	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 02/2026	Kế hoạch UBND tỉnh	Đã hoàn thành
e)	*Về thủy lợi và phòng chống thiên tai*				
5.24	Nghị quyết về hỗ trợ sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 5/2026	Nghị quyết HĐND tỉnh	
5.25	Kế hoạch Phòng chống thiên tai giai đoạn 2026-2030 tỉnh Hưng Yên	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 8/2026	Kế hoạch UBND tỉnh	
5.26	Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 8/2026	Phương án	
5.27	Quyết định về Phân cấp quản lý công trình thủy lợi, quy mô thủy lợi nội đồng	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 5/2026	Quyết định UBND tỉnh	
5.28	Quyết định Ban hành Quy định về bảo vệ công trình thủy lợi	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 5/2026	Quyết định UBND tỉnh	
f)	*Lĩnh vực lâm nghiệp- kiểm lâm*				
5.29	Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) và trí tuệ nhân tạo AI vào công tác quản lý, điều hành lĩnh vực lâm nghiệp tại tỉnh	Sở Tài chính và UBND các xã ven biển có rừng	Quý IV/2026	Hệ thống phần mềm	
5.30	Kiểm kê rừng	Sở Tài chính và UBND các xã ven biển có rừng	Quý IV/2026	Quyết định UBND tỉnh	
g)	*Quản lý môi trường, đất đai, tài nguyên*				
5.31	Đề án tăng cường bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 4/2026	Nghị quyết Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	Đã hoàn thành
5.32	Đề án nâng cao năng lực hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ hiện đại tại các đô thị và nông thôn	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 9/2026	Quyết định UBND tỉnh	
5.33	Đề án rà soát, xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, kiểm soát cơ sở sản xuất đạt chuẩn môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 6/2026	Quyết định UBND tỉnh	
5.34	Xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 12/2026	Kế hoạch UBND tỉnh	
5.35	Xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tỉnh Hưng Yên	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	06 tháng từ ngày ký HĐ với đơn vị trúng thầu	Kế hoạch UBND tỉnh	
5.36	Xây dựng Báo cáo tổng quan hiện trạng môi trường cấp tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 12/2026	Báo cáo UBND tỉnh	
5.37	Danh mục ao, hồ, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 6/2026	Quyết định UBND tỉnh	
5.38	Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 12/2026	Quyết định UBND tỉnh	
5.39	Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 12/2026	Quyết định UBND tỉnh	
5.40	Danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 4 và tháng 10/2026	Danh mục CT, dự án phải thu hồi đất tại các xã phường	
5.41	Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Quý II/2026	Quyết định UBND tỉnh	
5.42	Xây dựng, sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 11/2026	Nghị quyết HĐND tỉnh	
5.43	Tiếp tục rà soát, nhập liệu đối với các Giấy chứng nhận đã thu thập được trong quá trình triển khai Kế hoạch 515/KH-BCA-BNNMT và qua hệ thống VNeiD	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 6/2026	55.979 thửa đất	
5.44	Thực hiện rà soát, đối khớp, xác thực thông tin của người sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất với CSDL quốc gia về dân cư	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 6/2026	909.424 thửa đất	
5.45	Rà soát, nhập bổ sung, hoàn thiện thông tin các thửa đất còn thiếu chưa nhập vào CSDL đất đai, đảm bảo CSDL đất đai " đúng - đủ - sạch - sống"	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 10/2026	1.885.691 thửa đất	
6	**Sở Tài chính**				
6.1	Đề án xây dựng tỉnh Hưng Yên trở thành trung tâm kinh tế biển mạnh của phía Bắc giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Ban Quản lý Khu kinh tế và và các khu công nghiệp; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Quý II/2026	Nghị quyết Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
6.2	Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Đơn vị tư vấn; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 2/2026	Quyết định Chủ tịch UBND tỉnh	Đã hoàn thành
6.3	Đề án cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày PCI 2.0 được ban hành và áp dụng chính thức	Nghị quyết Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
6.4	Đề án cơ cấu lại, đổi mới, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại vốn nhà nước tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030	Nghị quyết Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
6.5	Đề án phát triển Kinh tế tập thể, Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035	Liên minh Hợp tác xã; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Quý II/2026	Nghị quyết Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
6.6	Kế hoạch phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 8/2026	Kế hoạch UBND tỉnh	
6.7	Đề án đẩy mạnh thu hút, xúc tiến đầu tư vào tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 4/2026	Nghị quyết Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
6.8	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai 2026-2030	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kế hoạch vốn; Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch vốn cho tỉnh	Kết luận của Tỉnh ủy	
7	**Thuế tỉnh**				
7.1	Đề án chuyển đổi số và hiện đại hóa quản lý thuế	Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Khoa học và Công nghệ; Ban Quản lý khu kinh tế và các Khu công nghiệp; Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Công an tỉnh; Kho bạc; UBND các xã, phường và đơn vị có liên quan	Năm 2026	Quyết định UBND tỉnh	
8	**Sở Khoa học và Công nghệ**				
8.1	Đề án cải thiện xếp hạng chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 4/2026	Nghị quyết Tỉnh ủy/Quyết định UBND tỉnh	
8.2	Đề án thành lập Khu Công nghệ cao tỉnh Hưng Yên	Các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh và các đơn vị liên quan	Tháng 6/2026	Quyết định Thủ tướng Chính phủ	
8.3	Đề án cải thiện xếp hạng chỉ số chuyển đổi số (DTI) của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 4/2026	Nghị quyết Tỉnh ủy	
8.4	Đề án phát triển Khu thực nghiệm sinh học công nghệ cao tỉnh Hưng Yên	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 6/2026	Quyết định UBND tỉnh	
8.5	Đề án "Xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045"	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 5/2026	Nghị quyết Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
9	**Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch**				
9.1	Đề án Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Hưng Yên đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Năm 2026	Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	
9.2	Đề án bảo vệ và phát huy giá trị Di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2025-2030	Các sở: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường; Báo và PT-TH Hưng Yên; Cục Di sản văn hóa (Bộ VHTTDL); UBND các xã,	Năm 2026	Quyết định UBND tỉnh	
9.3	Tiếp tục phát triển đồng bộ và nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hoá, thể thao trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2025-2030	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Quý II/2026	Nghị quyết Tỉnh ủy	
9.4	Đề án phát triển thể thao thành tích cao tỉnh Hưng Yên đến năm 2030, định hướng đến năm 2035	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 7/2026	Quyết định UBND tỉnh	
9.5	Quy định một số chế độ, chính sách đặc thù đối với các nghệ sĩ và nghệ nhân có nhiều cống hiến trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể; huấn luyện viên, vận động viên thể thao và chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 6/2026	Nghị quyết HĐND tỉnh	
9.6	Kế hoạch phát triển thể dục, thể thao tỉnh Hưng Yên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Quý III/2026	Kế hoạch UBND tỉnh	
9.7	Đề án phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Quý II/2026	Nghị quyết Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
9.8	Đề án tuyên truyền, quảng bá xúc tiến du lịch tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Quý II/2026	Quyết định UBND tỉnh	
10	**Sở Giáo dục và Đào tạo**				
10.1	Đề án đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hệ thống giáo dục, đào tạo đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Quý II/2026	Nghị quyết Ban Thường vụ Tỉnh ủy	
10.2	Chính sách hỗ trợ học phí trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Quý II/2026	Nghị quyết HĐND tỉnh	
10.3	Chính sách khuyến khích các trường đại học, cơ sở đào nghề chất lượng cao và tổ chức, doanh nghiệp đầu tư phát triển giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Sau khi Chính phủ có văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư số 145/2025/QH15 ngày 11/12/2025	Nghị quyết HĐND tỉnh	
11	**Ban quản lý Khu Đại học Phố Hiến**				
11.1	Tham mưu UBND tỉnh phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo hoàn thiện Báo cáo tổng kết thực hiện Quyết định số 999/QĐ-TTg ngày 10/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Năm 2026	Báo cáo	
11.2	Đẩy mạnh công tác vận động, tuyên truyền, mời gọi các trường đại học trong và ngoài nước về đầu tư xây dựng tại Khu Đại học Phố Hiến; phối hợp với các cơ quan liên quan tạo điều kiện thuận lợi để các trường, nhà đầu tư đã đề xuất dự án sớm triển khai tại Khu Đại học Phố Hiến	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Năm 2026	Văn bản	
11.3	Tham mưu xây dựng và ban hành chính sách hỗ trợ, ưu đãi để thu hút các trường đại học, cao đẳng, cơ sở nghiên cứu KHCN, cơ sở GDNN, cơ sở GDPT công lập được tạo nguồn vốn từ việc chuyển đổi tài sản, quyền sử dụng đất tại các cơ sở cũ của trường từ nội thành Hà Nội về Khu Đại học Phố Hiến; chính sách đặc thù hỗ trợ từ nguồn NSNN để đầu tư xây dựng cơ sở mới trong Khu Đại học được Chính phủ phê duyệt.	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Năm 2026-2028	Quyết định	
11.4	Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Đề án điều chỉnh, bổ sung xây dựng Khu Đại học Phố Hiến được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phân khu 1/2.000 Khu Đại học Phố Hiến phù hợp với tình hình thực tế	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Năm 2026-2028	Quyết định	
11.5	Tăng cường phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan làm tốt công tác quản lý, bảo vệ môi trường. Kiểm tra giám sát sử dụng đất đai, mặt bằng hiện trạng theo quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu Đại học Phố Hiến đã được phê duyệt	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Năm 2026		
11.6	Xây dựng các công trình hạ tầng thiết yếu của Khu Đại học Phố Hiến; phối hợp với các địa phương liên quan để nâng cao chất lượng, tiến độ của công tác giải phóng mặt bằng	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Năm 2026		
12	**Sở Y tế**				
12.1	Chương trình hành động của BTV Tỉnh ủy và Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 02/2026	CTHĐ của BTV Tỉnh ủy; Kế hoạch UBND tỉnh	Đã hoàn thành
12.2	Đề án Phát triển ngành y tế tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Quý II/2026	Quyết định UBND tỉnh	
13	**Sở Nội vụ**				
13.1	Đề án cải thiện xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính (Par Index), Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Tháng 02/2026	Nghị quyết Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Đã họp BTVTU
13.2	Đánh giá, xác định chỉ số CCHC, chỉ số hiệu quả quản trị và HCC (PAPI), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, cấp xã đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh. Tham mưu đánh giá trách nhiệm của người đứng đầu, cá nhân có liên quan tại cơ quan HCNN, đơn vị SNCL thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Hưng Yên trong thực hiện các chỉ số cải cách nền hành chính năm 2026	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Quý IV/2026	Quyết định UBND tỉnh	
13.3	Triển khai thực hiện Đề án "Chỉnh lý tài liệu nền giấy của các cơ quan, đơn vị, địa phương khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2028"	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	Tháng 12/2028	100% tài liệu đã được chỉnh lý, XĐGTTL	
13.4	Số hóa tài liệu lưu trữ cấp huyện đã chỉnh lý trước khi kết thúc hoạt động đang được bảo quản tại trung tâm Lưu trữ lịch sử	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	Tháng 12/2026	Cơ sở dữ liệu	
13.5	Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án "Số hóa tài liệu lưu trữ lịch sử tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2025-2030"	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	Theo tiến độ của Đề án	Dữ liệu số hóa	
13.6	Hoàn thành 100% các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Năm 2026	Lớp đào tạo, bồi dưỡng	
13.7	Đề án phát triển lực lượng lao động đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số tỉnh Hưng yên giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Giáo dục và Đào tạo; các sở, ban, ngành; UBND xã, phường và đơn vị có liên quan	Tháng 3/2026	Nghị quyết Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	Đã hoàn thành
13.8	Hướng dẫn việc xây dựng và ban hành tiêu chí cụ thể đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính và công chức tỉnh Hưng Yên	Các cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh	Tháng 6/2026	Công văn, Tờ trình	
13.9	Triển khai, thực hiện công tác kiểm tra công vụ theo Kế hoạch năm 2026	Các cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh	Năm 2026	Kế hoạch UBND tỉnh	
13.10	Quy định về quản lý tổ chức, biên chế, vị trí việc làm, tuyển dụng và sử dụng công chức tỉnh	Các cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh	Quý III/2026	Quyết định UBND tỉnh	
13.11	Triển khai rà soát ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức hiện giữ, thực hiện xét chuyển để đáp ứng với cơ cấu chức ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Các cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh	Năm 2026	Công văn, báo cáo	
13.12	Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện quy định chuyển đổi vị trí công tác để đảm bảo phòng chống tham nhũng, tiêu cực	Các cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh	Tháng 02/2026	Văn bản UBND tỉnh	Đã hoàn thành
13.13	Đề án Phân loại đơn vị hành chính các cấp tỉnh Hưng Yên	Sở Xây dựng; UBND các xã, phường	Tháng 6/2026	Đề án	
13.14	Đề án chỉnh lý hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp tỉnh Hưng Yên	Sở Nông nghiệp và môi trường; UBND các xã, phường	Tháng 9/2026	Đề án	
13.15	Đề án thành lập bản đồ hành chính các cấp tỉnh Hưng Yên	Sở Nông nghiệp và môi trường; UBND các xã, phường	Tháng 12/2028	Đề án	
13.16	Đề án sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Hoàn thành theo thời hạn của Trung ương quy định	Đề án	
14	**Sở Tư pháp**				
14.1	Xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu về hòa giải ở cơ sở và áp dụng AI trong tra cứu và tư vấn hòa giải ở cơ sở	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Năm 2026	Phần mềm ứng dụng	
14.2	Xây dựng Trung tâm dữ liệu số ngành Tư pháp Hưng Yên	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Năm 2026	Phần mềm ứng dụng	
14.3	Xây dựng hệ thống đấu giá trực tuyến tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Năm 2026	Phần mềm ứng dụng	
14.4	Xây dựng Phần mềm cơ sở dữ liệu Vi bằng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Năm 2026	Phần mềm ứng dụng	
15	**Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh**				
15.1	Đề án xây dựng Khu vực phòng thủ tỉnh giai đoạn 2025-2030	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Quý II/2026	Quyết định UBND tỉnh	
15.2	Đề án diễn tập Khu vực phòng thủ tỉnh; diễn tập Phòng thủ dân sự; diễn tập bảo đảm tác chiến phòng thủ khu vực cho các sở, ban, ngành; diễn tập Ban chỉ huy phòng thủ khu vực và diễn tập chiến đấu phòng thủ xã, phường trong khu vực phòng thủ nhiệm kỳ 2025-2030	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Năm 2026	Quyết định UBND tỉnh	
15.3	Đề án tổ chức xây dựng, hoạt động, huấn luyện và bảo đảm chế độ chính sách cho lực lượng Dân quân tự vệ giai đoạn 2026-2030	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Năm 2026	Quyết định UBND tỉnh	
15.4	Điều chỉnh quy hoạch vị trí trụ sở Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, nhà ở công vụ, nhà ở xã hội và trụ sở các đơn vị trực thuộc	Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và môi trường và các sở, ban, ngành có liên quan	Năm 2026	Quyết định UBND tỉnh	
15.5	Điều chỉnh, bố trí nguồn vốn tiếp tục thực hiện các dự án trong Khu vực phòng thủ cấp Huyện thành Sở Chỉ huy cơ bản trong Khu vực phòng thủ của Ban Chỉ huy Phòng thủ khu vực 1,2,3	Sở Tài chính và các sở, ban, ngành có liên quan	Năm 2026	Quyết định UBND tỉnh	
15.6	Quy định mức trợ cấp ngày công lao động đối với Dân quân tự vệ, hỗ trợ công dân nhập ngũ và tham gia nghĩa vụ công an nhân dân	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Năm 2026	Nghị quyết HĐND tỉnh	
16	**Công an tỉnh**				
16.1	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Công an tỉnh Hưng Yên	Sở Tài chính, Sở Xây dựng và đơn vị liên quan	Quý IV/2026	Quyết định UBND tỉnh	
16.2	Dự án cải tạo, sửa chữa, xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an các xã trên địa bàn tỉnh	Sở Tài chính, Sở Xây dựng và đơn vị liên quan	Quý IV/2026	Quyết định UBND tỉnh	
16.3	Đề án đẩy mạnh xây dựng Công an tỉnh Hưng Yên thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan	Đến khi có chỉ đạo của Đảng ủy Công an Trung ương	Quyết định UBND tỉnh	
17	**Nhiệm vụ chung của các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan về xây dựng và hoàn thiện thể chế phát triển nhanh và bền vững**				
17.1	Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính. Thực hiện giảm 30% trở lên thời gian giải quyết thủ tục hành chính.		2026-2030		
17.2	Xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII), Chỉ số chuyển đổi số (DTI), Chỉ số cải cách hành chính (Par Index), Chỉ số hài lòng của người dân (SIPAS), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố.		2026-2030		
17.3	Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách của tỉnh; sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, quy định của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, nhất là được ban hành trước khi hợp nhất hai tỉnh Hưng Yên và Thái Bình để thực hiện đồng bộ, thống nhất trong toàn tỉnh		2026-2030		
17.4	Quy định về phân cấp, phân quyền giữa tỉnh và các xã, phường trong các lĩnh vực quản lý nhà nước		Tháng 5/2026	Quyết định UBND tỉnh	